

Đo lường năng suất bằng phương pháp đo lường giá trị gia tăng

Thạc sĩ PHAN QUỐC NGHĨA

“Giá đường Việt Nam cao nhất thế giới”, “Trứng nhập lậu từ Trung Quốc đang giết chết ngành gia cầm Việt Nam” là tựa các bài báo được đăng trên báo Tuổi Trẻ, Lao Động và nhiều báo khác trong thời gian gần đây. Các tác giả những bài báo trên tuy có cách đặt vấn đề và phương pháp phân tích khác nhau để lý giải nhưng tất cả đều thống nhất: Nguyên nhân chính của vấn đề là do năng suất các ngành công nghiệp Việt Nam hiện còn rất thấp so với năng suất cùng ngành tại các nước ASEAN.

Hội nhập kinh tế là một xu thế tất yếu đang diễn ra trên toàn cầu. Với Việt Nam, trước mắt là quá trình hội nhập AFTA (Khu vực mậu dịch tự do ASEAN), tiếp đến là gia nhập WTO (Tổ chức thương mại thế giới). Nếu các doanh nghiệp Việt Nam không có sự chuyển biến thật sự, sẽ dễ dàng thua cuộc ngay trên sân nhà.

Năng suất là gì?

Năng suất là nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng các nguồn lực (tức là làm thế nào để gia tăng số lượng và chất lượng của hàng hóa và dịch vụ được sản xuất và giao đến nơi khách hàng yêu cầu với giá thành thấp nhất). (1)

Năng suất là sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và cổ đông (tức là tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp thông qua việc thỏa mãn ở mức cao nhất sự hài lòng của khách hàng với giá thành thấp nhất ở mức có thể). (2)

Các định nghĩa trên được sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau với mục đích định hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, các định nghĩa trên chỉ bàn về định tính, không đi sâu vào vấn đề định lượng của năng suất nên có phần trừu tượng và không thể sử dụng để so sánh năng suất giữa các doanh nghiệp ở các ngành khác nhau, hay các doanh nghiệp trong cùng ngành nhưng có qui mô sản xuất, vốn, trình độ công nghệ, quản lý ... khác nhau.

Các định nghĩa về định lượng của năng suất như:

- Trong một đơn vị thời gian,

$$\text{Năng suất} = \frac{\text{Tổng lợi ích mang lại cho khách hàng}}{\text{Giá trị của nguồn lực sử dụng}} \quad (3)$$

- Trong một đơn vị thời gian,

$$\text{Năng suất} = \frac{\text{Xuất lượng}}{\text{Nhập lượng}} \quad (4)$$

Có nhiều phương pháp đo lường năng suất khác

nhau, mỗi phương pháp đều các ưu nhược điểm riêng. Ví dụ, nếu dựa trên các định nghĩa trên để đo lường năng suất thì sử dụng công thức (4) sẽ thuận lợi hơn so với sử dụng công thức (3) vì các giá trị xuất lượng và nhập lượng có thể dễ dàng thu được từ các báo cáo tài chính và sản xuất của doanh nghiệp.

Tại sao phải đo lường năng suất?

Để cải tiến năng suất, việc trước tiên cần làm là đo lường năng suất.

Đo lường năng suất một doanh nghiệp cho biết mức độ thực hiện kế hoạch chiến lược của doanh nghiệp. Đây không chỉ là thước đo cho biết các mục tiêu chiến lược đề ra có đạt được hay không, mà còn chỉ ra việc thay đổi kế hoạch này như thế nào cho phù hợp khi cần thiết. Ngoài ra, khi áp dụng hệ thống đo lường năng suất mọi thành viên trong doanh nghiệp sẽ nhận thức rõ hơn về năng suất chứ không xem đó là một khái niệm trừu tượng.

Đo lường năng suất thường được sử dụng như một công cụ chẩn đoán vì các ảnh hưởng của năng suất đến lợi nhuận qua từng giai đoạn kinh doanh khác nhau sẽ bộc lộ các vấn đề khác nhau, cần được doanh nghiệp quan tâm, tập trung, và ưu tiên xử lý.

Sau cùng, một hệ thống đo lường năng suất tin cậy nếu được kết hợp vào hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp sẽ góp phần vào việc chuẩn hóa qui trình tính toán năng suất tại doanh nghiệp.

Đo lường năng suất bằng phương pháp đo lường giá trị gia tăng

Trong phạm vi bài viết này các tác giả xin trình bày việc đo lường năng suất bằng phương pháp đo lường giá trị gia tăng.

Đo lường năng suất bằng phương pháp đo lường giá trị gia tăng là một công cụ chẩn đoán, giúp doanh nghiệp nhận ra các vấn đề về năng suất thông qua các chỉ số năng suất, từ đó có kế hoạch cải tiến năng suất trong phạm vi toàn doanh nghiệp, cung cấp thông tin cần thiết hỗ trợ việc ra quyết định đối với các vấn đề:

- Đánh giá tương đối mức năng suất chung của doanh nghiệp và đối với từng dây chuyền sản xuất.

- Lập kế hoạch nguồn nhân lực và tính toán chi phí, trên cơ sở đó tối ưu hoá số lượng lao động.

- Là chuẩn đối sánh để đánh giá mức năng suất của công nhân.

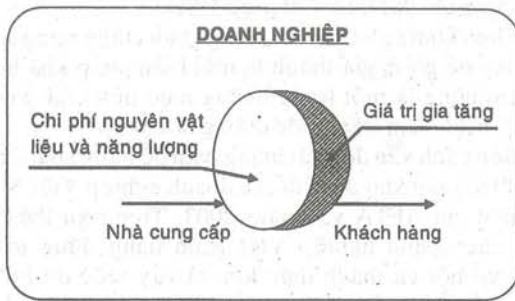
- Đánh giá tác động của các chương trình cải tiến năng suất trong phạm vi toàn doanh nghiệp.

- Giúp đưa ra các mục tiêu thiết thực và rõ ràng khi lập kế hoạch cải tiến năng suất trong phạm vi toàn doanh nghiệp.

- Đánh giá nỗ lực của từng bộ phận trong doanh nghiệp khi đạt được mức năng suất cao hơn.

Giá trị gia tăng

Giá trị gia tăng là “sự giàu thêm” của sản phẩm hay dịch vụ được doanh nghiệp thực hiện. Năng suất của doanh nghiệp càng cao, tức giá trị gia tăng tạo ra bởi doanh nghiệp càng cao. Giá trị gia tăng có vai trò quan trọng vì đây chính là nguồn thu nhập của doanh nghiệp.



Các phương pháp tính toán giá trị gia tăng

Giá trị gia tăng được xác định dựa trên các số liệu từ báo cáo tài chính gồm hai phương pháp:

Bảng 1

Thứ tự	Chỉ số	Công thức	Ý nghĩa
1	Lợi nhuận/ Vốn	Lợi nhuận trước thuế/ Vốn lưu động	Biểu thị mức lợi nhuận tạo ra khi sử dụng vốn
2	Lợi nhuận/ Số bán	Lợi nhuận trước thuế/ Số bán	Biểu thị mức lợi nhuận tạo ra trên số bán
3	Giá trị gia tăng/ Số bán	Giá trị gia tăng/ Số bán	Biểu thị giá trị gia tăng tạo ra trên số bán
4	Lợi nhuận/ Giá trị gia tăng	Lợi nhuận trước thuế/ Giá trị gia tăng	Biểu thị mức lợi nhuận tạo ra giá trị gia tăng
5	Số vòng quay vốn lưu động	Số bán/ Vốn lưu động	Biểu thị số bán trên vốn lưu động, là số vòng quay của vốn lưu động
6	Số bán/ Lao động	Số bán/ Số lao động	Biểu thị số bán trên mỗi lao động tại doanh nghiệp
7	Lợi nhuận trước thuế/ Lao động	Lợi nhuận trước thuế/ Số lao động	Biểu thị mức lợi nhuận tính trên mỗi lao động
8	Năng suất lao động	Giá trị gia tăng/ Chi phí lao động	Biểu thị giá trị gia tăng trên chi phí lao động của doanh nghiệp
9	Giá trị gia tăng/ Lao động	Giá trị gia tăng/ Số lao động	Biểu thị giá trị gia tăng tạo ra bởi một lao động
10	Tiền lương bình quân/ Lao động	Chi phí lao động/ Số lao động	Biểu thị tiền lương bình quân của mỗi lao động
11	Đóng góp của người lao động	Chi phí lao động/ Giá trị gia tăng	Biểu thị chi phí lao động trên giá trị gia tăng, là đóng góp của người lao động

Phương pháp trừ (phương pháp kết hợp): Như cách gọi tên phương pháp, mỗi khoản chi phí được trừ dần vào số bán. Các khoản chi này thường là chi phí mua nguyên

vật liệu (nguyên liệu thô và các nguyên liệu chính khác dùng trong sản xuất), mua năng lượng (điện, nước, hơi), các vật tư khác từ bên ngoài (dụng cụ, văn phòng phẩm, ...), chi phí bảo vệ, chi phí đưa đón công nhân, chi phí sửa chữa bảo trì, chi phí bảo hiểm, chi phí quảng cáo, chi phí nhờ bên ngoài tư vấn, ...

Phương pháp cộng (phương pháp phân phối): Trong phương pháp cộng, các khoản chi phí được cộng lại với nhau: chi phí lao động, chi phí tài chính, chi phí thuê tài sản, khấu hao, thuế, lãi trước thuế và các chi phí khác.

Thông thường, trong tính toán giá trị gia tăng, người ta dùng cả 2 phương pháp trừ và cộng để thực hiện tính toán. Giá trị gia tăng tính bằng phương pháp trừ phải đúng bằng giá trị gia tăng tính bằng phương pháp cộng.

Ý nghĩa của các chỉ số giá trị gia tăng năng suất

Khi đo lường năng suất bằng phương pháp đo lường giá trị gia tăng, ta chủ yếu tập trung vào việc phân tích 11 chỉ số quan trọng. (Xem bảng 1)

Ứng dụng thực tế

Đo lường năng suất tại Nhà máy sản xuất chỉ khâu - Công ty Coats Phong Phú

Công ty Coats Phong Phú (CPP) là liên doanh giữa Công ty dệt Phong Phú - một công ty hàng đầu của ngành dệt Việt Nam với các sản phẩm chính là sợi các loại, vải, khăn cotton, vải jean, các sản phẩm may mặc, ... và tập đoàn Coats Viyella Plc., - một trong những tập đoàn hàng đầu thế giới về sản xuất và phân phối chỉ may, chỉ khâu với doanh số hàng năm đạt trên 2,5 tỷ bảng Anh.

CPP có nhà máy tại TP.HCM và Hà Nội. Các nhà máy sản xuất của CPP đều được chứng nhận có hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002.

Các tác giả của bài viết này đã dùng phương pháp đo lường giá trị gia tăng để đo lường năng suất tại Nhà máy sản xuất chỉ khâu - Công ty Coats Phong Phú.

Thứ tự	Hạng mục	Năm			Đồ thị xu hướng
		1997	1998	1999	
1	Lợi nhuận / Vốn	0,143	0,143	0,144	
2	Lợi nhuận / Số bán	0,084	0,085	0,087	
3	Giá trị gia tăng / Số bán	0,387	0,389	0,395	
4	Lợi nhuận / Giá trị gia tăng	0,253	0,218	0,220	
5	Số vòng quay vốn lưu động (Số bán/ Vốn)	1,70	1,69	1,66	
6	Số bán / Lao động	12696,7	12775,7	12589,9	
7	Lợi nhuận trước thuế / Lao động	1072,6	1082,3	1094,6	
8	Năng suất lao động	2,7	2,6	2,6	
9	Giá trị gia tăng / Lao động	4912,9	4974,2	4976,4	
10	Tiền lương bình quân / Lao động	1825,5	1910,3	1941,5	
11	Đóng góp của lao động (%)	37%	38%	39%	

Kết quả có được từ việc phân tích các chỉ số năng suất đã mang lại một cách nhìn tổng quát và hệ thống về năng suất của nhà máy sản xuất chỉ theo, đồng thời góp phần cho việc xây dựng các quan niệm mới về năng suất tại Coats Phong Phú, là nền tảng để đánh giá năng suất tại các nhà máy của công ty, và là cơ sở thực tế để xây dựng chương trình quản lý giá trị gia tăng – là một phần trong kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty.

Kết luận

Đo lường năng suất bằng phương pháp đo lường giá trị gia tăng là một phương pháp rất hiệu quả để đo lường năng suất của từng đơn vị trong doanh nghiệp, và cũng rất phù hợp để đo lường năng suất của toàn bộ doanh nghiệp, hay một ngành công nghiệp. Phương pháp này được các tổ chức tư vấn quốc tế sử dụng để đánh giá khả năng sinh lợi của một doanh nghiệp. Tại Philipines, Malaysia, ... phương pháp này được sử dụng tính toán năng suất, là một trong những yếu tố để đánh giá giá trị cổ phiếu của một doanh nghiệp trên thị trường chính khoán.

Tổ chức năng suất châu Á (APO - Asian Productivity Organization) đang thực hiện chương trình triển khai việc áp dụng phương pháp này tại các nước thành viên của APO, trong đó có Việt Nam.

Cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, trong những năm qua các doanh nghiệp Việt Nam đã đạt được nhiều thành quả đáng kể như áp dụng ISO 9000, ISO

14000, GMP, GSP, HACCP, SA 8000, ... vào quản lý doanh nghiệp. Các sản phẩm Việt Nam đã nâng cao chất lượng, chiếm được thị trường trong nước và đang từng bước tiến vào thị trường quốc tế.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, khả năng cạnh tranh của hàng Việt Nam trên thương trường đã bộc lộ nhiều hạn chế, làm giảm mức tăng trưởng xuất khẩu. Nếu như năm 1999 Việt Nam đã có 5 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỉ hay xấp xỉ 1 tỉ USD là dầu thô, dệt may, giày dép, gạo, thủy sản thì đến nay chỉ còn 4 mặt hàng. Gạo năm 1999, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.025 tỉ USD, đến năm 2000 chỉ còn 670 triệu USD, sang năm 2001 cũng chỉ đạt trên 700 triệu USD.

Theo kinh nghiệm của Trung Quốc, tăng năng suất lao động để giảm giá thành là một biện pháp khá hiệu quả. Đó cũng là một trong những mục tiêu của doanh nghiệp Việt Nam trên bước đường hội nhập.

Bên cạnh vấn đề chất lượng, vấn đề năng suất đang là một bài toán khó đối với các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia AFTA vào năm 2003. Trong xu thế hội nhập, các doanh nghiệp Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức lớn, vì vậy việc đo lường năng suất, từ đó đưa ra các chương trình cải tiến năng suất phù hợp là một trong những nhiệm vụ cần thiết và cấp bách, có ý nghĩa thiết thực trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước ■

(Tiếp theo trang 27)

Bưu chính-viễn thông VN...

Tuyên bố Tokyo cũng định hình chiến lược điện tử của quốc gia và khu vực trên cơ sở khuyến khích việc thực hiện các cam kết của các nhà lãnh đạo và tăng cường cộng tác giữa các thành viên, tăng cường giáo dục nhận thức của người dân về tầm quan trọng của ICT trong đời sống và phát triển nhân loại.

Thực hiện chiến lược công nghiệp hóa và hiện đại hóa quốc gia, các cam kết quốc tế về xã hội hóa thông tin, cam kết tự do hóa thị trường viễn thông trong các hiệp định thương mại song phương và đa phương, Việt Nam đã xây dựng chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông dựa trên 4 "trụ" chính sau:

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT: ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại vào mạng viễn thông, thúc đẩy quá trình tạo môi trường cạnh

tranh lành mạnh, coi ICT là hạ tầng phát triển kinh tế xã hội...

- Phát triển nguồn nhân lực: cải cách, đổi mới, xã hội hóa đào tạo, dùng tiếng Anh giảng dạy CNTT và viễn thông, xây dựng trường đào tạo CNTT và viễn thông chất lượng cao.

- Cải thiện các ứng dụng công nghệ thông tin: xây dựng hệ thống pháp lý đồng bộ, hệ thống chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định thống nhất về CNTT, về thông tin và ứng dụng.

- Phát triển ngành công nghiệp CNTT: tạo môi trường thu hút, phát huy các nguồn lực trong và ngoài nước, kích cầu, đào tạo doanh nhân giỏi trong lĩnh vực ICT, tăng cường R&D cho phần mềm mã nguồn mở.

Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đề ra một số chỉ tiêu sau:

Đến 2005:

- Mật độ điện thoại: 12-13 máy/100 dân

- Tỷ lệ người dùng internet: 4-5%

- Tỷ lệ người có máy tính cá nhân: 3-5 máy/100 dân

Đến 2010:

- Mật độ điện thoại: 25-30 máy/100 dân

- Tỷ lệ người dùng Internet: 25-30%

- Tỷ lệ người có máy tính cá nhân: 10-15 máy/100 dân

- Tổng doanh thu ICT: 5,5 tỷ USD, tương đương 9% GDP.

Đến 2020: Việt Nam trở thành một trong ba nước đứng đầu ASEAN về công nghệ thông tin và truyền thông.

Những vấn đề có tầm vĩ mô trên đã đặt Tổng công ty BCVT Việt Nam và Bưu điện TP.HCM trước những thời cơ và thách thức to lớn. Mặc dù rất thành công trong việc thực hiện chiến lược tăng tốc, nhưng thách thức của hội nhập là chưa có tiền lệ; vì vậy sẽ có không ít vấn đề thực tiễn phải giải quyết được đặt ra đối với BĐ TP.HCM ■